

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NINH GIANG  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20/01/2022

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG- TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Quý Long.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Huy Diệu;

2. Ông Triệu Ngọc Vạn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tiến Linh -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Quang Đại- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2021/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 10 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST- HNGĐ, ngày 10/01/2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị Nh, sinh năm 1967; (Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

HKTT: Thôn K, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Chỗ ở hiện nay: Số 18 phố Tr, phường Đ, quận L, thành phố Hà Nội;

*2. Bị đơn:* Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1965; (Vắng mặt lần thứ 2).

HKTT và chỗ ở: Thôn K, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc nguyên đơn – bà Ngô Thị Nh trình bày:* Bà và ông Nguyễn Đức T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân (UBND) xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01/8/1987. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình ông T ở Thôn K, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu

thuần là do ông T ghen tuông vô cớ, thường xuyên đánh chửi bà và không có trách nhiệm vun vén kinh tế cho gia đình. Tình trạng đó kéo dài khiến mâu thuẫn ngày càng trở lên trầm trọng. Năm 2016 bà đã bỏ nhà đi làm ăn tại thành phố Hà Nội. Bà xác định vợ chồng sống ly thân kể từ thời điểm bà bỏ nhà đi làm ăn tại thành phố Hà Nội đến nay không ai quan tâm gì đến ai. Bà xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên khởi kiện xin ly hôn ông T.

*Về quan hệ con chung:* Bà và ông T có hai con chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày 27/5/1988 và Nguyễn Đức N1, sinh ngày 19/5/1990. Hiện các con đã trưởng thành, có công việc và thu nhập riêng nên bà không yêu cầu giải quyết.

*Về quan hệ tài sản chung:* Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn – ông Nguyễn Đức T:* Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập ông T đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa song ông đều vắng mặt không có lý do.

*Chính quyền địa phương xã H cung cấp:* Bà Nh và ông T kết hôn với nhau hợp pháp vào năm 1987 tại UBND xã H, tuy nhiên do thời gian đã lâu, quá trình xây dựng lại trụ sở UBND xã không lưu giữ sổ đăng ký kết hôn thời kỳ đó, quá trình chung sống bà Nh và ông T xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không bảo ban được nhau trong cách sinh hoạt và làm ăn, ông T có tính hay ghen, thường xuyên đánh chửi bà Nh. Do không hoà hợp nên từ năm 2016 bà Nh bỏ đi làm ăn tại thành phố Hà Nội và sống ly thân từ đó đến nay. Nay bà Nh khởi kiện xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật theo hướng giải quyết cho bà Nh, ông T ly hôn do hai bên đã ly thân từ lâu, không có biện pháp gì cải thiện mối quan hệ hôn nhân.

Tại phiên Tòa: Bà Ngô Thị Nh, ông Nguyễn Đức T vắng mặt. Tại đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt bà Nh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Nh đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về... án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho bà Ngô Thị Nh ly hôn ông Nguyễn Đức T; bà Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự trong phần tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về tố tụng:* Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập ông T đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa song ông đều vắng mặt không có lý do; bà Nh đề nghị không tiến hành hòa giải; Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai nên vụ án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại các điều 207, 227 và Điều 228 BLTTDS.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Ngô Thị Nh và ông Nguyễn Đức T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã H, huyện N nơi sinh sống của ông T tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân giữa bà Nh và ông T là hợp pháp.

[3] Bà Nh khởi kiện xin ly hôn, ông T biết rõ việc bà Nh khởi kiện xin ly hôn, việc Tòa án triệu tập nhưng ông không đến làm việc, không bày tỏ quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện. HĐXX thấy rằng, mặc dù ông T không đến Tòa án làm việc, trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nh song tại lời khai của bà Nh, Biên bản xác minh ngày 23/12/2021, lời khai của người làm chứng là bà Triệu Thị S đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T có tính hay ghen, thường xuyên đánh chửi bà Nh. Vợ chồng ly thân đã lâu, không quan tâm đến nhau. Như vậy, chính ông T là người vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bà Nh, Tòa án căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà Nh ly hôn ông T.

[4] *Về quan hệ con chung:* Bà Nh và ông T có hai con chung Nguyễn Thị N, sinh ngày 27/5/1988 và Nguyễn Đức N1, sinh ngày 19/5/1990. Do các con đã trưởng thành, có công việc và thu nhập riêng nên bà không yêu cầu giải quyết. HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] *Về quan hệ tài sản:* Do không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí:* Bà Ngô Thị Nh khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về...án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Ngô Thị Nh ly hôn ông Nguyễn Đức T.

2. *Về án phí*: Bà Ngô Thị Nh phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), được đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0000026, ngày 26 tháng 10 năm 2021.

3. *Về quyền kháng cáo*: Bà Ngô Thị Nh, ông Nguyễn Đức T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang;
- UBND xã H, huyện N;
- Dương sự;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Bùi Quý Long**